TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2020
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc.

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Nh; sinh năm 1972; địa chỉ: Đội 9, xóm 1, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

Bị đơn: Anh Phạm Xuân T; sinh năm 1971; địa chỉ: Đội 9, xóm 1, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Ngô Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã A, huyện B, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/8/1992. Vợ chồng sống với nhau được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T đánh bạc bắt chị vay tiền và vào phường để trả nợ, anh T còn thường xuyên đánh chửi chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 20/12/1993; Phạm Thị Bình Y1, sinh ngày 20/12/1995 và Phạm Xuân T, sinh ngày 14/4/2003. Cháu Y về cháu Y1 đã trưởng thành tự lập được, cháu T còn đang đi học. Khi ly hôn, chị nhất trí để anh T trực tiếp nuôi cháu T.

Về tài sản: Chị Ngô Thị Nh yêu cầu chia tài sản theo đơn khởi kiện. Ngày 20/01/2020, chị rút yêu cầu chia tài sản.

Bị đơn anh Phạm Xuân T trình bày:

Về việc kết hôn của vợ chồng anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày của chị Nh.Sau ngày cưới đến nay vợ chồng sống bình thường và hạnh phúc. Đến năm 2019 anh bị ngã xe phải mổ não thì chị Nh bỏ đi Hà Nội không về nữa, không quan tâm đến gia đình. Nay tại phiên hòa giải anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh muốn anh và chị Nh phải về giải quyết xong về tài sản thì anh sẽ nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị Hoàng Y, sinh ngày 20/12/1993; Phạm Thị Bình Y1, sinh ngày 07/9/1995; Phạm Xuân T, sinh ngày 14/4/2003.cháu Y và cháu Y1 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh nhận nuôi cháu T, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ tại xã A thấy: Các đương sự trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung và các vấn đề liên quan là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Nh và anh Phạm Xuân T, giao anh T nuôi con chung chưa thành niên là cháu Phạm Xuân T như các đương sự đã thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị Nh có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên có căn cứ và đủ điều kiện xét xử vắng mặt cả hai đương sự như quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Nh anh Phạm Xuân T kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị Nh và anh T không có hạnh phúc, đã sống ly thân. Chị Nh xin ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Nh và anh Phạm Xuân T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị

Nh đối với anh Phạm Xuân T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Xét điều kiện nuôi con, trên cơ sở nguyện vọng của con chung và của các đương sự; giao anh Phạm Xuân T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu là Phạm Xuân T, sinh ngày 14/4/2003. Chị Ngô Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị Nh là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Nh phải nộp toàn bộ án phí ly hôn. Chị Ngô Thị Nh đã nộp tạm ứng án phí tài sản, nay rút yêu cầu nên được trả lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Nh anh Phạm Xuân T.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Anh Phạm Xuân T trực tiếp nuôi cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 14/4/2003. Chị Ngô Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Ngô Thị Nh phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.150.000 đồng theo biên lai thu số 000539 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Ngô Thị Nh được hoàn trả số tiền 4.850.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên